Chi tiết mã HS 8406.82.10

Mã HS	8406.82.10
Mô tả hàng hóa	Tua bin hơi nước và các loại tua bin hơi khác / - Tua bin loại khác: / - - Công suất đầu ra không quá 40 MW: / - - - Công suất đầu ra không quá 5 MW
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 21:20:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84068210/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12866
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12866
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12866
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12142
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12085
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12085
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12085
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12085
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12085
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12085
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12137
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12137
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12137
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12137
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12137
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12138
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12138
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12138
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12138
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12138
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12138
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12141
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12091
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12097
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12097
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12097
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12097
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12097
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12097
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12130
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12130
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12130
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12130
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12130
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12130
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12175
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12175
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12175

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12175
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12175
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12175
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12160
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12160
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12160
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12160
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12160
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12160
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12160
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12160
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12160
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12160
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12160
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12160
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12177
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12177
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12177
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12177
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12177
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12177
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12176
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12176
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12176
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12176
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12176

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12176
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12123
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12123
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12123
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12123
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12123
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12123
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12123
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12160
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12160
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12160
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12160
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12160
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12160
RCEP B	2022	2022	0	B!D12160
RCEP B	2023	2023	0	B!E12160
RCEP B	2024	2024	0	B!F12160
RCEP B	2025	2025	0	B!G12160
RCEP B	2026	2026	0	B!H12160
RCEP B	2027	2027	0	B!I12160
RCEP C	2022	2022	0	C!D12160
RCEP C	2023	2023	0	C!E12160
RCEP C	2024	2024	0	C!F12160
RCEP C	2025	2025	0	C!G12160
RCEP C	2026	2026	0	C!H12160
RCEP C	2027	2027	0	C!I12160

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12159
RCEP D	2023	2023	0	D!E12159
RCEP D	2024	2024	0	D!F12159
RCEP D	2025	2025	0	D!G12159
RCEP D	2026	2026	0	D!H12159
RCEP D	2027	2027	0	D!I12159
RCEP E	2022	2022	0	E!D12163
RCEP E	2023	2023	0	E!E12163
RCEP E	2024	2024	0	E!F12163
RCEP E	2025	2025	0	E!G12163
RCEP E	2026	2026	0	E!H12163
RCEP E	2027	2027	0	E!I12163
RCEP F	2022	2022	0	F!D12160
RCEP F	2023	2023	0	F!E12160
RCEP F	2024	2024	0	F!F12160
RCEP F	2025	2025	0	F!G12160
RCEP F	2026	2026	0	F!H12160
RCEP F	2027	2027	0	F!I12160
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11242
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11242
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11242
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11242

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8406.82 có 2 dòng thuế; dòng 8406.82.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Công suất đầu ra không quá 5 MW.	8406.82.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8406.82.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8406.82.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12866), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.